

Bản án số: 45/2020/HS-ST
Ngày: 29-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Trương;

2/ Ông Võ Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, tại huyện G, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 và bà Triệu Thị Mai X, sinh năm 1964; Có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án: 01 lần (đã xóa án tích), tại bản án số 39/2011/HSST ngày 23/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2011, chấp hành xong ngày 11/3/2014; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 16/6/2020, tạm giam từ ngày 25/6/2020. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Trương Quốc T, sinh năm 1991; (Xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp H, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Phước T1, sinh năm 1990; (Xin vắng mặt)
Nơi thường trú: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Ông Bùi Văn S, sinh năm 1979; (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 11/6/2020, bị cáo Nguyễn Văn T, đi bộ từ khu vực Phường N, thị xã G đến xã L, thị xã G, thì rẽ vào đường bê tông có cổng ấp văn hóa H. Bị cáo đi được khoảng 200m thì thấy có 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, mang biển kiểm soát 63B6-194.42, của anh Trương Quốc T đang dựng trên hành lang nhà, trên xe có gắn chìa khóa và có treo 01 cái máy khoan loại nhỏ, 01 cái máy cắt gạch loại nhỏ, lúc này anh T đang nằm võng ngủ ở gần đó. Bị cáo lén lút đi vào nhà lấy trộm xe mô tô trên, dẫn ra đường nổ máy điều khiển xe chạy đi. Khi gần đến đường M thì dừng lại vứt bỏ cái máy khoan và cái máy cắt gạch ở ven đường. Sau đó, bị cáo điều khiển xe chạy đến phòng trọ của người bạn tên Nguyễn Phước T1, tại ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Bị cáo nói với anh T1 chiếc xe này là của gia đình, giấy tờ xe đã bị mất, do hết tiền nên nhờ anh T1 đi bán xe giùm lấy tiền tiêu xài. Do thấy xe còn mới, anh T1 muốn giữ xe để làm phương tiện đi lại, nên đã đem xe đi gửi rồi quay về nói với bị cáo là bán được số tiền 1.200.000 đồng, cả hai tiêu xài cá nhân hết.

Tang vật thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng, số khung: C6HOFY155565, số máy: 5C6H155573; không biển số.

Qua xác minh, xe mô tô 63B6-194.42 là do ông Bùi Văn S đứng tên chủ xe. Qua làm việc, ông S trình bày đã mua xe này vào năm 2015, sử dụng đến năm 2019 thì bán lại cho anh T nhưng chưa làm thủ tục sang tên chủ xe.

Đối với cái máy khoan loại nhỏ và máy cắt gạch loại nhỏ, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Gò Công đã tiến hành tìm kiếm địa điểm mà bị cáo khai đã vứt bỏ nhưng không tìm thấy. Đồng thời, anh T cũng không yêu cầu định giá những tài sản bị mất mà không thu hồi được do giá trị nhỏ.

Theo Bản Kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS, ngày 19/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Gò Công thì xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Sirius, loại xe Sirius, biển số 63B6-194.42, màu trắng, số khung: C6HOFY155565, số máy: 5C6H155573 có giá trị là 11.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKSTXGC, ngày 15/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thể hiện, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều

173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2020.

- Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Gò Công đã trao trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng, số khung: C6HOFY155565, số máy: 5C6H155573, không biển số, cho anh Trương Quốc T vào ngày 08/8/2020, là đúng quy định, đề nghị ghi nhận.

- Về số tiền thu lợi bất chính: Buộc bị cáo T nộp số tiền thu lợi bất chính 1.200.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Trương Quốc T không có yêu cầu gì đối với bị cáo, nên không xem xét.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi do mình gây ra, bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi vi phạm của mình. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Gò Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử và vẫn đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người này. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận vì muốn có tiền tiêu xài, nên lợi dụng lúc anh Trương Quốc T đang ngủ, cửa rào không khóa, bị cáo đã lén lút vào nhà lấy trộm 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng, số khung C6HOFY155565, số máy 5C6H155573, biển kiểm soát 63B6-194.42. Theo kết luận định giá tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là 11.000.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, đồng thời hành vi này còn gây mất trật tự ở địa phương. Bị cáo có đủ sức lao động để kiếm sống và tạo ra của cải vật chất cho bản thân. Bị cáo muốn có tiền tiêu xài nhưng lại chạy lười lao động nên mới dần thân vào con đường tội phạm. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật mà vẫn cố ý thực hiện, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, việc áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một khoản thời gian, tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thái độ của bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Từ đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, khi lượng hình.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả tài sản bị chiếm đoạt cho chủ sở hữu đúng quy định pháp luật nên ghi nhận.

Về số tiền thu lợi bất chính: Bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán xe mô tô trộm được số tiền 1.200.000 đồng, nên cần buộc bị cáo nộp lại sung ngân sách nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trương Quốc T và anh Nguyễn Phước T1 không có yêu cầu gì đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Đối với anh Nguyễn Phước T1 không biết xe bị cáo trộm cắp mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật hình sự;

- Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự;
- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 6 năm 2020.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo T nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng, nộp ngân sách nhà nước. Thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Cơ quan Thi hành án hình sự thị xã Gò Công;
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Triều